

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **265/2021/HSST**
Ngày 30 tháng 11 năm 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thanh Phượng**

2. Bà **Đinh Thị Huyền**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Trần Quang Hiếu**- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận Ba Đình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 226/2021/TL - HSST ngày 09 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 371/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Phạm Trung K**, sinh ngày: 22/11/2003; Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 8 ngách 179/44 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Nghề Nghiệp: Không. Văn hóa: 6/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Họ và tên bố: **Phạm Quang L**, sinh năm: 1972. Họ và tên mẹ: **Trần Thị Phương L**, sinh năm: 1975. Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ: Ông **Phạm Quang L**, sinh năm 1972. Đăng ký HKTT: Số 8 ngách 179/44 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. (Là bố đẻ của bị cáo K) Người bào chữa: Bà **Bùi Thị Hải L**— Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý nhà nước thành phố H. Ông L, bà L có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo **Phạm Tuấn A**, sinh năm: 2002. Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Số 8 ngách 179/44 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Nghề Nghiệp: Không. Văn hóa: 8/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Họ và tên bố: **Phạm Quốc Đ**, sinh năm: 1977. Họ và tên mẹ: **Đinh Thị P**, sinh năm: 1982. Tiền án, tiền sự: Ngày 18/4/2017 bị Công an phường Đ, quận B, thành phố H xử phạt hành

chính về hành vi Trộm cắp tài sản (đã hết thời hiệu). Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Anh **Trần Quang A**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số 21 ngõ 10 H, phường T, quận T, thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền: chị **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số 40C ngách 378/65 T, phường B, quận T, thành phố H theo Đơn xin ủy quyền ngày 22/9/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 8 giờ 45 phút ngày 5/4/2021, Phạm Trung K đến quán Internet tại địa chỉ 185 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H để chơi điện tử. Khi vừa vào quán, K phát hiện anh Trần Quang A (sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Số 21 ngõ 10 H, phường T, quận T, thành phố H) đang ngồi chơi tại máy số 6, đánh rơi 01 chiếc ví da màu đen nhãn hiệu Towa rơi dưới đất tại nên K nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc ví này. K ngồi chơi tại máy số 5 để tiện quan sát và tìm cách lấy chiếc ví. Sau khi ngồi được 5-10 phút, K đứng dậy nạp tiền chơi game rồi quay lại ngồi máy số 5, anh Quang A ngồi máy số 6 vẫn chưa phát hiện việc chiếc ví rơi dưới đất. K dùng chân trái hất chiếc ví về vị trí gần ghế của K đang ngồi rồi dùng tay trái cầm chiếc ví lên, cất vào túi quần phía trước bên trái. 10 phút sau K đi về. Về đến nhà, K mở chiếc ví vừa trộm cắp được ra kiểm tra thì thấy bên trong có 740.000 đồng, giấy tờ tùy thân (bằng lái xe máy mang tên Trần Quang A, đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Văn L) cùng 04 thẻ ngân hàng (Sacombank, BIDV) đều mang tên Trần Quang A. K lấy số tiền 740.000 đồng để tiêu xài còn chiếc ví da cùng thẻ ngân hàng và các giấy tờ bên trong, K đem cất giấu tại nhà hoang đối diện nhà K.

Đến trưa ngày 6/4/2021, K kiểm tra lại chiếc ví trộm cắp được thì phát hiện thêm 01 tờ giấy ghi mật khẩu thẻ ngân hàng. K nảy sinh ý định trộm cắp tiền trong thẻ nhưng do không biết sử dụng thẻ ATM nên K rủ Phạm Tuấn A cùng thực hiện hành vi. K nói với Tuấn A là mình nhặt được thẻ ATM và tờ giấy ghi mật khẩu thẻ. Tuấn A đồng ý cùng K đi rút tiền. K đưa toàn bộ 4 thẻ ngân hàng cùng tờ giấy ghi mật khẩu cho Tuấn A giữ. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai ra cây ATM Sacombank tại số 149 Đội Cấn để rút tiền. Tuấn A nhét thẻ ATM ngân hàng Sacombank vào máy, bấm mật khẩu theo tờ giấy K đưa và rút được tiền, lần 1 rút được: 500.000 đồng, lần 2 rút được: 6.000.000 đồng, lần 3 rút được: 150.000 đồng. Tổng cộng là 6.650.000 đồng. Quá trình Tuấn A rút tiền thì K đứng bên cạnh quan sát. Số tiền rút được, K lấy 3.500.000 đồng, chia cho cho Tuấn A 3.150.000 đồng, cả hai đã tiêu xài hết.

Khoảng 8 giờ ngày 07/4/2021, anh Trần Quang A đã ra ngân hàng Sacombank số 149 Đ trình báo việc bị rút trộm tiền trong thẻ và được ngân hàng cung cấp hình ảnh camera K và Tuấn A đang rút tiền, anh Quang A yêu cầu ngân

hàng khóa tài khoản. Khoảng 16 giờ, anh Quang A chuyển thêm số tiền 2.290.000 đồng vào tài khoản. Đến khoảng 19 giờ cùng, Quang A phát hiện Tuấn A đang đứng tại khu vực cây ATM bấm rút tiền nên đã không chế, Tuấn A về trụ sở công an phường Đội Cấn để trình báo sự việc.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và Phạm Trung K như nội dung nêu trên.

Vật chứng thu giữ của Tuấn A gồm có: 01 giấy nộp tiền đăng sau ghi mật khẩu mật khẩu ngân hàng BIDV, Sacombank; 01 giấy nộp tiền tại ngân hàng Sacombank, người nộp tiền: Trần Quang A; 01 biên lai rút tiền tại ngân hàng Sacombank; 02 thẻ ngân hàng BIDV, 01 thẻ Sacombank, 01 thẻ MB Bank đều mang tên Trần Quang A.

Cơ quan điều tra triệu tập Phạm Trung K lên làm việc. K khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của Tuấn A.

Vật chứng thu giữ của Phạm Trung K gồm có: 01 chiếc ví da nam màu đen nhãn hiệu Towa; 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Quang A; 01 đăng ký xe máy Wave biển kiểm soát 29F1 – 11710 mang tên Nguyễn Văn L.

Quá trình điều tra, Phạm Trung K khai chỉ kể với Tuấn A là K nhặt được ví bên trong có thẻ ATM. Sau khi chia nhau số tiền 6.650.000 đồng rút được ở cây ATM ngày 06/4/2021, Tuấn A vẫn giữ toàn bộ số thẻ, K không biết việc Tuấn A tiếp tục rút tiền ngày hôm sau.

Phạm Tuấn A khai: Sau khi cùng K rút 6.650.000 đồng, Tuấn A cất tất cả số thẻ ATM cùng tờ giấy ghi mật khẩu vào túi quần. Khoảng 12 giờ ngày 07/4/2021 Tuấn A ra quán game ở 114D5 G ngồi chơi game đến 16 giờ thì thử đăng nhập vào tài khoản Sacombank của anh Quang A bằng duyệt trình Google Chrome theo mật khẩu ghi trên giấy, phát hiện trong tài khoản vừa được gửi thêm tiền vào nên nảy sinh ý định rút nốt số tiền này. Việc này Tuấn A thực hiện một mình không nói với K. Đến khoảng 19 giờ, Tuấn A đi bộ ra cây ATM 149 Đ, cắm thẻ ATM vào cây, bấm mật khẩu, ấn rút 500.000 đồng nhưng máy báo không thành công. Đúng lúc này thì bị anh Quang A phát hiện đưa lên công an phường Đội Cấn giải quyết.

K và Tuấn A khai ngoài tài khoản Sacombank, các bị cáo không truy cập vào tài khoản và thẻ ATM nào khác của anh Quang A, không chiếm đoạt tài sản nào khác.

Cơ quan điều tra đã dẫn giải K xác định hiện trường nơi trộm cắp chiếc ví, thu giữ hình ảnh camera của quán game, dẫn giải các bị can xác định nơi rút tiền, dẫn giải Tuấn A xác định nơi thực hiện hành vi truy cập trái phép vào tài khoản ngân hàng của anh Quang A.

Ngân hàng Sacombank cung cấp tài liệu thể hiện tài khoản của anh Quang A bị rút tiền 04 lần, trong đó có 03 lần ngày 06/4/2021 rút thành công tổng cộng

6.650.000 đồng, 01 lần ngày 07/4/2021 rút không thành công số tiền 500.000 đồng, phù hợp lời khai của Tuấn A và K. Ngoài ra, ngân hàng đã cung cấp hình ảnh ghi lại hành vi của các bị cáo ngày 06/4/2021.

Ngân hàng BIDV cung cấp tài liệu thể hiện 02 tài khoản của anh Quang A tại ngân hàng như sau: Số dư tài khoản 12510001079071 và tài khoản 22010004751805 tính đến ngày 05/4/2021 là 50.055 đồng và 89.819 đồng và không phát sinh giao dịch rút tiền trong các ngày 06/4; 07/4/2021.

Ngân hàng MB cung cấp tài liệu thể hiện tài khoản của anh Quang A tại ngân hàng không phát sinh giao dịch trong các ngày từ 05/4/2021 đến 08/4/2021.

Anh Quang A trình bày trình bày ngoài số tiền mặt trong ví và số tiền 6.650.000 đồng bị rút từ tài khoản Sacombank, anh không bị chiếm đoạt tài sản nào khác. Các tài khoản ngân hàng khác cũng không bị xâm phạm gì. Anh Trần Quang A có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền đã bị trộm cắp là 7.390.000 đồng. Quá trình điều tra, các bị cáo đã cùng nhau bồi thường hết số tiền này cho anh Quang A. Anh Quang A có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bản kết luận định giá tài sản số 75/KLĐGTS-HĐĐGTS ngày 21/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự - UBND quận B kết luận: 01 chiếc ví da màu đen, nhãn hiệu Towa kích thước khoảng 10x15 cm đã qua sử dụng có giá trị: 200.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả toàn bộ tài sản bị trộm cắp đã thu hồi được cho người bị hại. Chị Nguyễn Văn L (vợ của anh Trần Quang A) được uỷ quyền nhận lại số tài sản này, đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Quá trình điều tra, Phạm Trung K và Phạm Tuấn A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp vật chứng thu giữ, lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng, hình ảnh camera thu giữ được, tài liệu Ngân hàng cung cấp cùng các tài liệu điều tra khác trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 221/CT-VKS ngày 08/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đã truy tố Phạm Trung K về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và truy tố Phạm Tuấn A về tội Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, được quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khoảng 8 giờ 45 phút ngày 5/4/2021, tại quán Internet địa chỉ 185 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H, Phạm Trung K đã có hành vi trộm cắp tài sản của anh Trần Quang A là 01 ví da màu đen bên trong có 740.000 đồng, các giấy tờ tùy thân và 04 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank, BIDV mang tên Trần Quang A. Sau đó, K nói với Tuấn A là nhặt được thẻ ATM và tờ giấy ghi mật khẩu

thẻ. Phạm Tuấn A sử dụng tờ giấy ghi mật khẩu thẻ ngân hàng bên trong ví cùng Phạm Tuấn A ra cây ATM số 149 Đ rút 6.650.000 đồng, Tuấn A là người trực tiếp thao tác rút tiền thì K đứng bên cạnh quan sát. K lấy 3.500.000 đồng, Tuấn A được chia 3.150.000 đồng.

Phạm Trung K phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp tài sản của anh Phạm Quang A bao gồm: chiếc ví da trị giá 200.000 đồng, tiền mặt trong ví là 740.000 đồng, số tiền rút trong thẻ ngân hàng là 6.650.000 đồng. Tổng cộng là: 7.590.000 đồng.

Khoảng 16 giờ ngày 07/4/2021, Tuấn A kiểm tra thấy trong tài khoản Ngân hàng Sacombank của anh Quang A có thêm 2.290.000 đồng nên có ý định chiếm đoạt số tiền này. Đến khoảng 19 giờ ngày 07/4/2021, Tuấn A đi bộ một mình ra cây ATM 149 Đ cắm thẻ, bấm mật khẩu ATM Sacombank của Quang A ấn rút số tiền 500.000 đồng nhưng không thành công do anh Quang A đã khóa tài khoản từ trước đó. Sau đó Tuấn A bị anh Quang A phát hiện đưa lên công an phường xử lý.

Tuấn A không biết việc K trộm cắp thẻ mà có, nhưng đồng ý cùng K đi rút tiền trong thẻ được 6.650.000 đồng. Vì vậy, Tuấn A phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản ngày 06/4/2021. Ngoài ra, Tuấn A còn phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi phạm tội ngày 07/4/2021 (phạm tội chưa đạt). Do đó, Tuấn A đã có hành vi phạm tội nhiều lần.

Các bị cáo đã cùng nhau bồi thường hết số tiền đã chiếm đoạt cho anh Quang A. Toàn bộ tài sản bị trộm cắp đã thu hồi trả người bị hại.

Hành vi của bị cáo Phạm Trung K đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và hành vi của bị cáo Phạm Tuấn A đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Trung K về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt phải thi hành án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Tuấn A về tội: “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 290; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 ; Điều 57 ; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 20 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt phải thi hành án.

Về phần bồi thường dân sự: Các bị cáo Phạm Trung K và Phạm Tuấn A tự nguyện bồi thường cho anh Trần Quang A số tiền 7.390.000 đồng, người bị hại đã nhận và không còn yêu cầu bồi thường gì khác, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên không xem xét.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo K có quan điểm:

Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng mà Viện kiểm sát đề nghị. Hành vi của bị cáo K thực hiện đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo Phạm Trung K phạm tội khi còn ở tuổi chưa thành niên, chưa nhận thức được hết hành vi cũng như hậu quả do mình gây ra, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo đã khai nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại về tài sản cho người bị hại, bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm pháp luật của mình gây ra và cũng được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 65, Điều 91 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Trung K và Phạm Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và lời nói sau cùng trước khi hội đồng xét xử vào nghị án các bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện theo ủy quyền của người bị hại. Tuy nhiên người bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đã trình bày nội dung sự việc và đã có lời khai tại cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ, nên việc vắng mặt người bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi các bị cáo Phạm Trung K và Phạm Tuấn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, tang vật thu giữ trong vụ án, kết luận định giá tài sản của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Ba Đình cùng các tài liệu có trong hồ sơ. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 8 giờ 45 phút ngày 5/4/2021, tại quán Internet địa chỉ 185 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H, Phạm Trung K đã có hành vi trộm cắp tài sản của anh Trần Quang A là

01 ví da màu đen bên trong có 740.000 đồng, các giấy tờ tùy thân và 04 thẻ ATM của ngân hàng Sacombank, BIDV mang tên Trần Quang A. Sau đó, K nói với Tuấn A là nhặt được thẻ ATM và tờ giấy ghi mật khẩu thẻ. Phạm Tuấn A sử dụng giấy tờ ghi mật khẩu thẻ ngân hàng bên trong ví cùng Phạm Tuấn A ra cây ATM số 149 Đ rút 6.650.000 đồng, Tuấn A là người trực tiếp thao tác rút tiền thì K đứng bên cạnh quan sát. K lấy 3.500.000 đồng, Tuấn A được chia 3.150.000 đồng.

Phạm Trung K phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp tài sản của anh Phạm Quang A bao gồm: chiếc ví da trị giá 200.000 đồng, tiền mặt trong ví là 740.000 đồng, số tiền rút trong thẻ ngân hàng là 6.650.000 đồng. Tổng cộng là: 7.590.000 đồng.

Khoảng 16 giờ ngày 07/4/2021, Tuấn A kiểm tra thấy trong tài khoản Ngân hàng Sacombank của anh Quang A có thêm 2.290.000 đồng nên có ý định chiếm đoạt số tiền này. Đến khoảng 19 giờ ngày 07/4/2021, Tuấn A đi bộ một mình ra cây ATM 149 Đ cắm thẻ, bấm mật khẩu ATM Sacombank của Quang A ấn rút số tiền 500.000 đồng nhưng không thành công do anh Quang A đã khóa tài khoản từ trước đó. Sau đó Tuấn A bị anh Quang A phát hiện đưa lên công an phường xử lý.

Tuấn A không biết việc K trộm cắp thẻ mà có, nhưng đồng ý cùng K đi rút tiền trong thẻ được 6.650.000 đồng. Vì vậy, Tuấn A phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản ngày 06/4/2021. Ngoài ra, Tuấn A còn phải chịu trách nhiệm hình sự với hành vi phạm tội ngày 07/4/2021 (phạm tội chưa đạt). Do đó, Tuấn A đã có hành vi phạm tội nhiều lần.

Các bị cáo đã cùng nhau bồi thường hết số tiền đã chiếm đoạt cho anh Quang A. Toàn bộ tài sản bị trộm cắp đã thu hồi trả người bị hại.

Hành vi trên đây của Phạm Trung K đã phạm vào tội ‘Trộm cắp tài sản’. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi trên đây của Phạm Tuấn A đã phạm vào tội: “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về đảm bảo an toàn mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc thiết bị số của người khác.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Phạm Trung K là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Trần Quang A và rủ bị cáo Phạm Tuấn A

thực hiện hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông chiếm đoạt tài sản của anh Trần Quang A. Bị cáo Phạm Trung K và bị cáo Phạm Tuấn A có vai trò như nhau để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tuy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng hành vi của các bị cáo đã xâm phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác đồng thời xâm phạm đến chế độ quản lý an ninh mạng. Vì vậy, cần có một mức án tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân của bị cáo Phạm Trung K: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy thái độ của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo đã bồi thường cho người bị hại. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thực hiện hành vi phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhân thân không có tiền án tiền sự. Người bị hại là anh Trần Quang A cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo làm ăn, sinh sống và chứng tỏ sự hối cải, hoàn lương của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và gia đình bị cáo. Do đó, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly ra khỏi xã hội đối với bị cáo Phạm Trung K. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt tù nhưng cho bị cáo K được hưởng án treo.

[6] Xét nhân thân của bị cáo Phạm Tuấn A: Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy thái độ của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo, bị cáo đã bồi thường cho người bị hại. Nhân thân không có 01 tiền sự đã hết thời hiệu. Người bị hại là anh Trần Quang A cũng đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần được xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Phạm Tuấn A không có đủ điều kiện để được tự cải tạo ngoài môi trường xã hội bình thường, mà cần thiết phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo Tuấn A khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung.

Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Trần Quang A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Về tội danh và hình phạt:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự 2015.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Trung K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Trung K **08 (tám)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là **16 (mười sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo: Phạm Trung K về Ủy ban nhân dân phường Đ, quận B, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

2. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 290; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015

- Tuyên bố bị cáo Phạm Tuấn A phạm tội “Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Tuấn A **24 (hai mươi bốn)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày bắt thi hành án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 các bị cáo, người giám hộ của bị cáo K, người bào chữa của bị cáo K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2021. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án ./.

Nơi nhận:

- TAND TP thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Ba Đình;
- Công an quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- UBND phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA